

Bản án số: 78/2020/HS-PT

Ngày: 08/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hải

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Phan Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị H; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 07/10/1979 tại Xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Trú tại: Xóm Trung Hưng, xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên trường mầm non xã Thạch Hưng; Con ông Phan Văn Ty và bà Trần Thị Huệ; Chồng: Điện Văn Minh (đã chết). Con: có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại không có kháng cáo:

Anh Trần Văn Chiến, sinh năm 1962; Trú tại: số nhà 16, ngõ 13, đường Hải Thượng Lãn Ông thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Chị Phan Thị Bình A, sinh năm 1970; số nhà 16, ngõ 13, đường Hải Thượng Lãn Ông thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Những người khác không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Phan Thị H là bạn của anh Trần Văn C có vợ là chị Phan Thị Bình A, có nhu cầu mua đất, hai bên trao đổi thỏa thuận H nộp hồ sơ cho UBND xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh xin cấp đất, khi có thông báo cấp đất sẽ bán cho vợ chồng anh C giá 20.000.000 đồng. Ngày 01/12/2018 và ngày 01/01/2019, chị An và H lập hợp đồng đặt cọc, chị An đặt cọc 20.000.000 đồng hai bên cam kết nếu H được cấp đất mà không bán cho chị An thì bị phạt 200.000.000 đồng, nếu H không được cấp đất thì H trả lại cho chị An 20.000.000 đồng, H nộp hồ sơ tại UBND xã Thạch Hưng Nng chưa được xét cấp đất.

Sau đó ngày 19/01/2019 và ngày 23/01/2019, H đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Văn C và chị Phan Thị Bình A tổng số tiền 50.000.000 đồng. Cụ thể N sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 01/2019, anh C gọi điện thoại cho H nói “Đợt ni em có bộ hồ sơ nào chắc chắn được cấp đất mà họ không có điều kiện lấy thì tìm cho anh, anh lấy được anh cho 3.000.000 đồng”, H trả lời “Để em xem đã rồi em tìm cho”. Sau đó ít ngày, H gọi điện cho anh C nói “Em có đưa em con o, làm lái xe, có nộp hồ sơ trước em mà không có điều kiện để lấy, em lấy cho anh chị giá là 20.000.000 đồng”, anh C trả lời “Rứa em gặp chị An để trao đổi”. Ngày 19/01/2019, H đến nhà chị An nói với chị An “Em có đưa em tên là Dương Văn K, vợ tên là Trương Thị Quỳnh N, làm lái xe, có nộp hồ sơ xin cấp đất trước em mà chưa được xét cấp đất, lần này có khả năng được, chị đồng ý mua thì em nói hần để lại cho 20.000.000 đồng”. Chị An hỏi “Có chắc chắn không?”, H trả lời “Thằng ni em con o nên tin tưởng, nhà hần mới mua ô tô đang cần tiền đăng ký xe nên chị đưa trước tiền cho hần”. Chị An nói “Rứa chị đưa tiền cho em, em phải chịu trách nhiệm”. Chị An và H thống nhất lập 02 hợp đồng đặt cọc tiền mua thông báo đất (có nội dung giống nhau, hợp đồng này thay thế hợp đồng đặt cọc tiền mua thông báo đất ngày 01/01/2019) với nội dung N sau: Chị An đặt cọc trước số tiền 40.000.000 đồng để mua thông báo đất của H và của anh Dương Văn K, vợ là chị Trương Thị Quỳnh N; sau khi H và anh K, chị N được xét cấp đất, H phải bán đất của H cho chị An và làm trung gian để anh K, chị N bán đất cho chị An còn chị An phải trả tiền mua đất và cho thêm H 10.000.000 đồng; nếu H và anh K, chị N được xét cấp đất mà không bán lại cho chị An thì H bị chị An phạt 200.000.000 đồng; nếu không được xét cấp đất thì H phải trả lại tiền cọc 40.000.000 đồng cho chị An. H và chị An ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 bản và chị An đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền này, H dùng để trả nợ.

Lần thứ hai: Vào ngày 22/01/2019, anh Trần Văn C gọi điện cho H nói “Em xem đợt ni có bộ hồ sơ nào chắc chắn nữa không mà họ không có điều kiện

lấy thì anh lấy cho rồi anh cho 3.000.000 đồng”, H trả lời “Để em hỏi cho rồi chiều em trả lời”. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, H gọi điện cho anh Cnói “Có hồ sơ của đứa em con o tên là Lê Thị Quý, chồng là Lê Thanh K, để em hỏi rồi em lấy cho anh chị”, anh Cnói “Rứa để anh trao đổi lại với chị”. Đến tối cùng ngày, chị An gọi điện cho H nói “Chị có nghe anh Cnói, trường hợp họ tên chị, nhà ở mô, có chắc chắn không?”, H trả lời “Chị yên tâm, trường hợp ni là đứa em con o, em chịu trách nhiệm cho chị. Vợ là Lê Thị Q, chồng là Lê Thanh K, nhà ở xóm Trung Hưng, xã Thạch Hưng. Họ bán 30.000.000 đồng. Giờ nhà ni đang có việc cần tiền, chị muốn có đất thì đưa tiền trước cho chắc chắn”. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/01/2019, anh C và chị An đến gặp H tại cổng trường Mầm non xã Thạch Hưng, chị An và H thống nhất lập 02 hợp đồng mua thông báo đất (có nội dung giống nhau) với nội dung N sau: Chị An đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng để mua thông báo đất của anh Lê Thanh K, vợ là chị Lê Thị Quý; sau khi anh K, chị Quý được xét cấp đất, H phải làm trung gian để anh K, chị Quý bán đất cho chị An còn chị An phải trả tiền mua đất; nếu anh K, chị Quý được xét cấp đất mà không bán lại cho chị An thì H bị chị An phạt 90.000.000 đồng; nếu không được xét cấp đất thì H phải trả lại 30.000.000 đồng đã nhận cho chị An. H và chị An cùng ký tên xác nhận, mỗi bên giữ 01 bản và chị An đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền này, H dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, chị An gọi điện hỏi H về việc đã đưa số tiền 30.000.000 đồng cho vợ chồng anh K, chị Q chưa và xin số điện thoại của chị Q thì H trả lời là “Đưa rồi” và nhắn số thuê bao 0961.174.572 của H cho chị An và nói đây là số điện thoại của chị Q. Chị An nhiều lần gọi điện thoại đến số thuê bao 0961.174.572 Nng không liên lạc được nên nghi ngờ bị H lừa tiền và làm đơn tố cáo.

Hai lần thực hiện hành vi trên H không trao đổi với những người mà H giới thiệu sẽ được cấp đất. Tại Cơ quan điều tra H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó H đã trả 20.000.000 đồng tiền thỏa thuận bán thông báo đất của bị cáo và 50.000.000 đồng tiền lừa đảo cho anh Trần Văn C và chị Phan Thị Bình A.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, Xử phạt Phan Thị H 15 (mười lăm) tháng tù. tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án

Sau khi tuyên án sơ thẩm bị cáo Phan Thị H kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị

cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của người kháng cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thị H bổ sung nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xét bổ sung kháng cáo tại phiên tòa của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra, truy tố cũng N tại phiên tòa bị cáo Phan Thị H hoàn toàn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội cũng N phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng. HĐXX có cơ sở khẳng định: Trong các ngày 19/01/2019 và ngày 23/01/2019, Phan Thị H có ý thức chiếm đoạt tài sản từ trước đã 02 lần đưa thông tin gian dối về những đối tượng được xét cấp đất ở để anh Phan Văn C và chị Phan Thị Bình A tin tưởng giao lần thứ nhất 20.000.000 đồng, lần thứ hai 30.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng để chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo có đầy đủ năng lực và tuổi trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Phan Thị H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Thị H

Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS: Thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có bố và mẹ là người có công với cách mạng (bố là thương binh hạng 4/4, được tặng thưởng Huân chương kháng Chặng Ba và mẹ được tặng thưởng Huy chương kháng Chặng Nhì) theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy mức hình phạt 15 tháng tù Toà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình bệnh án của bệnh viện nơi bị cáo đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng mất sớm một mình bị cáo phải nuôi hai con ăn học nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần

để bị cáo có điều kiện tiếp tục chữa bệnh và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật vì vậy kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Phan Thị H được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 69/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phan Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015, khoản 2 Điều 21, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phan Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hải